

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ, bà Lê Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST–HNGĐ ngày 09-02-2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST - DS ngày 04-4-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12-4-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Làng P, xã Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) .

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Làng P, xã Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-02-2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn G đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 29-8-2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh dẫn đến tình cảm vợ chồng giảm sút, anh G nghi ngờ chị N có quan hệ

ngoại tình với người khác nên đã có hành vi bạo lực đối với chị N, lo sợ cho tính mạng của mình nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã M, huyện L từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn G.

Về con chung: Chị và anh Lương Văn G có 02 con là Lương Quốc V, sinh ngày 07-02-2007 và Lương Thị D, sinh ngày 06-9-2008. Do là công nhân phải đi làm việc tại tỉnh Bắc Ninh thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian chăm sóc hai con. Vì vậy, sau khi ly hôn chị đề nghị để anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con là Lương Quốc V và Lương Thị D, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 1.000.000 đồng/ tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn anh Lương Văn G nhưng anh G không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Tại biên bản xác minh ngày 15-3-2022, ông Mông Văn T- Trưởng thôn Làng P, xã Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị N và anh G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, trong quá trình chung sống chị N đi làm ăn xa từ đó xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương giải quyết. Hiện chị N và anh G không sống cùng nhau nữa; nay chị N xác định tình cảm không còn xin ly hôn anh G đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích cho mỗi bên. Về con chung: Chị N và anh G có 02 con là Lương Quốc V, sinh ngày 08-02-2007 và Lương Thị D, sinh ngày 06-9-2008, hiện hai cháu đang ở cùng anh G, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích cho hai cháu.

Xác minh tại Công an xã Y, huyện L vào ngày 15-3-2022, Công an xã Y xác nhận anh Lương Văn G, sinh năm 1978, có hộ khẩu tại thôn L, xã Y, hiện chưa cắt khẩu đi đâu.

Biên bản lấy lời khai ngày 18-02-2022 các cháu Lương Quốc V, Lương Thị D trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở cùng bố, vì hiện tại mẹ đang đi làm ăn xa không có ở nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị

đơn thực hiện chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, về quan hệ hôn nhân giải quyết cho chị N được ly hôn với anh G, về con chung giao cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Lương Quốc V và Lương Thị D, chị N phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi; về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lương Văn G cư trú tại thôn Làng P, xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái; Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nông Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lương Văn G, đề nghị để anh G trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nông Thị N và anh Lương Văn G kết hôn ngày 29-8-2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh dẫn đến tình cảm vợ chồng giảm sút, anh G nghi ngờ chị N có quan hệ ngoại tình với người khác nên đã có hành vi bạo lực đối với chị N, lo sợ cho tính mạng của mình nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S, xã M, huyện L từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại thôn L, xã Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị N.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng:*

[3.1] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Lương Văn G có 02 con chung là Lương Quốc V, sinh ngày 08-02-2007 và Lương Thị D, sinh ngày 06-9-2008, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tại thôn L, xã Y, xác định hiện nay con Lương Quốc V, Lương Thị D đang do anh Lương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng có nơi ở và học tập ổn định; mặt khác theo nguyện vọng của cháu Lương Quốc V, Lương Thị D trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở cùng bố, vì hiện tại mẹ đang đi làm ăn xa không có ở nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị N và anh G xảy ra mâu thuẫn, anh G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Lương Quốc V, Lương Thị D và hai con đều có nguyện vọng được ở cùng bố, vì hiện tại mẹ đang đi làm ăn xa không có ở nhà. Xét thấy, để tránh xáo trộn môi trường sống và học tập, để các cháu được ổn định về mặt tâm lý và tinh thần, cần giao hai con Lương Quốc V và Lương Thị D cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*” và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*”

Xét đề nghị tự nguyện cấp dưỡng của chị N là có căn cứ, phù hợp với mức sống chung hiện nay và phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị N và nhu cầu thiết yếu của hai con Lương Quốc V và Lương Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/tháng, hai con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*:

- Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn anh Lương Văn G.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1 Về con chung: Giao cho anh Lương Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Lương Quốc V, sinh ngày 08-02-2007 và Lương Thị D, sinh ngày 06-9-2008.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị N có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi hai con là Lương Quốc V và Lương Thị D, mỗi con là 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 05-5-2022) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nông Thị N phải phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002161 ngày 09-02-2022 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Nông Thị N còn phải đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên